

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2021/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 687/TTr-STNMT ngày 12 tháng 8 năm 2021 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 146/BC-STP ngày 14 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KSTT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.
2. Quy định này không điều chỉnh: chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện báo cáo định kỳ

1. Việc báo cáo phải đầy đủ, chính xác, khách quan, kịp thời, đúng hình thức, nội dung yêu cầu của từng loại báo cáo; đúng quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường và hướng dẫn tại Quy định này. Người ký báo cáo phải đảm bảo theo đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan báo cáo.
2. Bảo đảm tính rõ ràng, công khai, cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo, tính an toàn, an ninh thông tin và tính bảo mật theo quy định của pháp luật; bảo đảm khả năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Chương II CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Mục 1 YÊU CẦU CHUNG

Điều 4. Yêu cầu báo cáo

1. Báo cáo phải bảo đảm sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Báo cáo nêu rõ những vấn đề cần tập trung báo cáo, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, báo cáo có thể chỉ có phần lời văn hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Báo cáo định kỳ hàng tháng: tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hàng quý: tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 9 tháng: tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hàng năm: tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 6. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo được thực hiện bằng một trong hai hình thức sau đây:

a) Báo cáo bằng văn bản điện tử, có sử dụng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định.

b) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định.

2. Báo cáo được gửi đến nơi nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau đây:

a) Trực tiếp;

b) Qua dịch vụ bưu chính;

c) Qua hệ thống Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh;

d) Qua fax;

đ) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả báo cáo và biểu mẫu được gửi theo phương thức tại khoản 2 Điều này phải đính kèm tệp tin (file word hoặc excel).

Điều 7. Công bố danh mục báo cáo định kỳ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, lập danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo (gồm các

nội dung sau đây: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, kỳ báo cáo/tần suất thực hiện báo cáo, mẫu đề cương báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về chế độ báo cáo định kỳ có hiệu lực thi hành.

Hồ sơ trình được gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm có: Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố danh mục báo cáo định kỳ.

2. Sau khi nhận được hồ sơ trình công bố, căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra về nội dung và hình thức dự thảo Quyết định công bố. Trường hợp dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành theo quy định.

3. Trường hợp hồ sơ trình công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để chỉnh lý, hoàn thiện chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố.

Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý, hoàn thiện và trình lại dự thảo quyết định công bố chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Hồ sơ trình công bố phải có thêm văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đăng tải và duy trì danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo thời gian đăng tải chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo; xây dựng hệ thống thông tin báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

Mục 2 QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 9. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường hàng năm của cấp huyện

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Quy trình thực hiện:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Tần suất thực hiện báo cáo: Năm.

5. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Đối với gửi lần thứ nhất:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 16 tháng 12 năm báo cáo.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 17 tháng 12 năm báo cáo;

b) Đối với gửi lần thứ hai (báo cáo cập nhật):

- Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

Điều 10. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các sở, ban, ngành thuộc tỉnh theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Quy trình thực hiện: Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh gửi báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Tần suất thực hiện báo cáo: Năm.

5. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Đối với gửi lần thứ nhất: trước ngày 17 tháng 12 năm báo cáo;

b) Đối với gửi lần thứ hai (báo cáo cập nhật): trước ngày 15 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

Điều 11. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường hàng tháng, Quý I, 6 tháng, 9 tháng, hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.
2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư
3. Quy trình thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo.
4. Tần suất thực hiện báo cáo: hàng tháng (Tháng 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11), Quý I, 6 tháng đầu năm, 9 tháng và báo cáo năm.
5. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.
6. Thời hạn gửi báo cáo:
 - a) Báo cáo Tháng, Quý I, 6 tháng đầu năm, 9 tháng: gửi trước ngày 15 các tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 hàng năm của kỳ báo cáo;
 - b) Báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 12 năm báo cáo.

Điều 12. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường hàng năm của ngành tài nguyên và môi trường

1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.
2. Cơ quan nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Quy trình thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Tần suất thực hiện báo cáo: Năm.
5. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6. Thời hạn gửi báo cáo:
 - a) Đối với gửi lần thứ nhất:

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 19 tháng 12 năm báo cáo.
 - b) Đối với gửi lần thứ hai (báo cáo cập nhật):

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định này. Đối với các báo cáo định kỳ lĩnh vực tài nguyên và môi trường chưa được quy định tại Quy định này nhưng đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền thì vẫn thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

c) Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với mục tiêu quản lý, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và Quy định này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường do các cơ quan soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung quy định báo cáo định kỳ thì phải thực hiện đúng các nguyên tắc, yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và của Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I**MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM ÁP DỤNG ĐỐI VỚI PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)***ỦY BAN NHÂN DÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-UBND

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm (năm đang thực hiện) và phương hướng nhiệm vụ công tác năm (năm liền kề)****Phần thứ nhất****ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM ...****I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUNG****1. Xây dựng và phổ biến chính sách, pháp luật**

- Theo dõi, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

(Kèm theo biểu số 02)

2. Công tác tổ chức cán bộ

Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành tài nguyên và môi trường cấp huyện, cấp xã; công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3. Công tác giải quyết thủ tục hành chính

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực.

- Kết quả công tác tiếp nhận, xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng

(Kèm theo biểu số 3)

5. Mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực để huy động nguồn lực, kinh nghiệm của quốc tế, của các huyện, thị xã, thành phố cho công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**II. CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH**

1. Công tác quản lý và sử dụng tài nguyên

1.1. Lĩnh vực quản lý đất đai

- Hiện trạng sử dụng các loại đất.
- Công tác lập phương án sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn.
- Kết quả lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cụ thể.
- Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
- Công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất.
- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai.
- Công tác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất, kết quả thu tài chính từ đất đai.
- Kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Kết quả thực hiện quyền của người sử dụng đất.
- Kết quả khảo sát, lập bản đồ địa chính, đánh giá tiềm năng đất đai.
- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật lĩnh vực đất đai.

(Kèm theo từ biểu số 05 đến biểu số 15)

1.2. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước

- Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
- Tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

(Kèm theo từ biểu số 19 và biểu số 20)

1.3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

- Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.
- Tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng nơi khai thác khoáng sản.

(Kèm theo biểu số 16 đến biểu số 18)

1.4. Lĩnh vực biển và hải đảo (đối với các huyện, thị xã, thành phố ven biển, ven đầm)

- Kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, vùng bờ.
- Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển.
- Công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.

- Công tác quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo theo phân cấp.
- Công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo.
- Công tác giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản.
- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển, hải đảo qua thực tiễn quản lý.

(Kèm theo biểu số 16 đến biểu số 28)

2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường.
- Các nguồn gây ô nhiễm môi trường (thực trạng và kết quả xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Khu công nghiệp, khu chế xuất, Cụm công nghiệp, làng nghề; khu đô thị, khu dân cư tập trung; khai thác các nguồn thải lớn; các nguồn thải chứa nhiều yếu tố độc hại; dự án khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, thủy điện; các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường khác).
- Tình hình phát sinh và xử lý chất thải (quy mô, tính chất của chất thải): chất thải nguy hại; chất thải rắn sinh hoạt thông thường; chất thải rắn công nghiệp thông thường; sản phẩm thải lỏng; nước thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư tập trung; phụ phẩm nông nghiệp; phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; sản phẩm thải bỏ sau sử dụng...

- Công tác cấp phép hoạt động bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường.

- Công tác phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường.

(Kèm theo từ biểu số 21 và biểu số 24)

3. Lĩnh vực khí tượng, thủy văn

Công tác phối hợp, tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn.

4. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

- Các tác động của biến đổi khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (các điều kiện thời tiết, khí hậu và thiên tai cực đoan).
- Công tác xây dựng kế hoạch, việc lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương (nếu có).

5. Lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương (cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; tổ chức bộ máy, nhân lực; an toàn thông tin; cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động...)

III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO BỞI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kết quả thực hiện các đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Kết quả đạt được
- Hạn chế.
- Nguyên nhân

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM (NĂM LIỀN KÈ)

I. NHIỆM VỤ CHUNG

II. CÁC NHIỆM VỤ THEO LĨNH VỰC CỤ THỂ

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
-;
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC II
MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TÊN ĐƠN VỊ Số:/BC-.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>, ngày ... tháng ... năm ...
---	---

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm (năm đang thực hiện) và phương hướng nhiệm vụ công tác năm (năm liền kề)

Căn cứ trách nhiệm báo cáo được quy trình tại các văn bản quy phạm pháp luật và chứng năng, nhiệm vụ và ngành, lĩnh vực được giao quản lý, các các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh báo cáo các nội dung có liên quan đến các lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường, cụ thể

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM ...

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUNG

1. Xây dựng và phổ biến chính sách, pháp luật (Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo)

- Theo dõi, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật
(Kèm theo biểu số 02)

2. Công tác tổ chức cán bộ (Sở Nội vụ phối hợp báo cáo)

Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành tài nguyên và môi trường cấp huyện, cấp xã; công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ phối hợp báo cáo)

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực (Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh phối hợp báo cáo)

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực.

- Kết quả công tác tiếp nhận, xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng

(Kèm theo biểu số 3)

5. Công tác kế hoạch - tài chính, đầu tư phát triển, khoa học và công nghệ

- Về giao ngân sách nhà nước (**Sở Tài chính báo cáo**).
- Về thu chi ngân sách (**Sở Tài chính báo cáo**).
- Về việc giải ngân vốn ODA (**Sở Tài chính báo cáo**).
- Đã triển khai bao nhiêu đề tài khoa học cấp tỉnh (**Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo**).

6. Mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực để huy động nguồn lực, kinh nghiệm của quốc tế, của các sở, ban, ngành, tổ chức cho công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

II. CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH

1. Công tác quản lý và sử dụng tài nguyên (Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Du lịch; Sở Giao thông vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế; Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Công an tỉnh báo cáo)

Tình hình hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
- Tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.
- Kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, vùng bờ.
- Công tác điều tra cơ bản, thống kê tài nguyên biển và hải đảo.
- Công tác giao khu vực biển cho các tổ chức, cá nhân; cấp phép nhận chìm ở biển theo thẩm quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo).
- Công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển; quản lý tài nguyên biển, hải đảo theo chức năng quản lý.
- Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển.

(Kèm theo biểu số 19 và biểu số 20)

2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh báo cáo)

- Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường.

- Các nguồn gây ô nhiễm môi trường (thực trạng và kết quả xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Khu công nghiệp, khu chế xuất, Cụm công nghiệp, làng nghề; khu đô thị, khu dân cư tập trung; khai thác các nguồn thải lớn; các nguồn thải chứa nhiều yếu tố độc hại; dự án khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, thủy điện; các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường khác).

- Tình hình phát sinh và xử lý chất thải (quy mô, tính chất của chất thải): chất thải nguy hại; chất thải rắn sinh hoạt thông thường; chất thải rắn công nghiệp thông thường; sản phẩm thải lỏng; nước thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư tập trung; phụ phẩm nông nghiệp; phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; sản phẩm thải bỏ sau sử dụng...

- Công tác cấp phép hoạt động bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường.

- Công tác phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường.

(Kèm theo từ biểu số 21 và biểu số 24)

3. Lĩnh vực khí tượng, thủy văn (Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo)

Công tác quản lý các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai trên địa bàn.

Công tác phối hợp, tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn.

4. Lĩnh vực biến đổi khí hậu (Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Đài Khí tượng thủy văn tỉnh; Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh báo cáo)

- Các tác động của biến đổi khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (các điều kiện thời tiết, khí hậu và thiên tai cực đoan).

- Công tác xây dựng kế hoạch, việc lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương (nếu có).

5. Lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo)

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương (cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; tổ chức bộ máy, nhân lực; an toàn thông tin; cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động...)

III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO BỞI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kết quả thực hiện các đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Kết quả đạt được
- Hạn chế.
- Nguyên nhân

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM (NĂM LIỀN KÈ)

I. NHIỆM VỤ CHUNG

II. CÁC NHIỆM VỤ THEO LĨNH VỰC CỤ THỂ

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
-;
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC III

MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁNG 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11, QUÝ 1, 6 THÁNG ĐẦU NĂM, 9 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-STNMT

Bình Định, ngàytháng năm

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tháng.../quý 1/6 tháng đầu năm/9 tháng đầu năm/năm....(năm đang thực hiện)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG .../QUÝ 1/ 6 THÁNG ĐẦU NĂM.../ 9 THÁNG ĐẦU NĂM.../ NĂM (NĂM ĐANG THỰC HIỆN)

1. Công tác quản lý đất đai; đo đạc và bản đồ
2. Quản lý tài nguyên khoáng sản
3. Quản lý biển, hải đảo
4. Quản lý tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và ứng phó với biến đổi khí hậu
5. Công tác bảo vệ môi trường
6. Thanh tra, kiểm tra, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo
7. Công tác tổ chức, cải cách hành chính
8. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế
2. Nguyên nhân (chủ quan, khách quan):

Đánh giá chung (Ưu, khuyết điểm):

.....

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG .../QUÝ 2/ 6 THÁNG CUỐI NĂM...(NĂM ĐANG THỰC HIỆN)/ QUÝ IV NĂM... (NĂM ĐANG THỰC HIỆN)/ NĂM (NĂM LIỀN KÈ)

1. Quản lý đất đai; đo đạc và bản đồ

2. Quản lý tài nguyên khoáng sản
 3. Quản lý biển, hải đảo
 4. Quản lý tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và ứng phó với biến đổi khí hậu
 5. Công tác bảo vệ môi trường
 6. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo
 7. Công tác tổ chức, cải cách hành chính
 8. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin
- IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:** (với Bộ TN&MT; với UBND tỉnh)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
-;
- Lưu: VT.VP...

GIÁM ĐỐC